

Bản án số: 289/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Triều;
- Ông Nguyễn Thành Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số B đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 251/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4499/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Vân A, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu phố A, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

Địa chỉ cư trú: 92/54/29 V, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần Duy T, sinh năm 1997

Địa chỉ: số A Bryant Road El M, USA.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2024, nguyên đơn – bà Nguyễn Ngọc Vân A trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc Vân A và ông Trần Duy T tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 09/6/2017).

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng chỉ sau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cả hai không hiểu nhau, sau đó ông Duy T sang Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa.

Bà Vân A cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Duy T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 25/7/2024 (đã được Văn phòng C chứng thực chữ ký ngày 25/7/2024), bị đơn – ông Trần Duy T trình bày:

Ông Trần Duy T và bà Nguyễn Ngọc Vân A tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 09/6/2017).

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn vì không hiểu nhau; hiện tại mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Duy T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Vân A.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Ngọc Vân A và ông Trần Duy T là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn – bà Nguyễn Ngọc Vân A và bị đơn – ông Trần Duy T đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 09/6/2017 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Vân A và ông Trần Duy T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn - bà Nguyễn Ngọc Vân A và bị đơn - ông Trần Duy T thì sau khi kết hôn vợ chồng chỉ sống chung hạnh phúc với nhau thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không hiểu nhau, sau đó ông Trần Duy T sang Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, bà Vân A vẫn ở Việt Nam.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện bà Vân A và ông Duy T mỗi người đang sinh sống và làm việc ở một đất nước khác nhau nên khó có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả bà Vân A và ông T đều đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Xét thấy cuộc sống chung giữa bà Vân A và ông Duy T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết, là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Vân A và ông Duy T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Vân A và ông Duy T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn – bà Nguyễn Ngọc Vân A phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Ngọc Vân A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Vân A được ly hôn với ông Trần Duy T (Tran T).

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Vân A phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0005046 ngày 18/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Vân A không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Ngọc Vân A được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Duy T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THA dân sự Tp.HCM;
- UBND TX.La Gi, tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Loan

